

*Bản án số: 38 /2021/HSST
Ngày 21/5/2021*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ANH SƠN – TỈNH NGHỆ AN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Phú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Tân, bà Phạm Thị Thúy Hằng

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh N.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh N tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 21/5/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 22/2021/HSST ngày 26 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn K**; Sinh ngày: 12/9/1990; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: thôn 10, xã T, huyện A, tỉnh N; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Họ và tên cha: Nguyễn Văn Hiên – Đã chết; Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị A - Sinh năm: 1969; Vợ: Phạm Thị Kh – sinh năm 1993; Con: có 01 người con, sinh năm 2020; Hiện mẹ, vợ, con của bị cáo đều trú tại: thôn 10, xã T, huyện A, tỉnh N; Anh chị em ruột: Có 03 người, bị cáo là thứ 2 trong gia đình; Tiền án: Bản án số 25/2011/HS-ST ngày 18/01/2011 của Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội xử phạt Nguyễn Văn K 07 năm tù về tội “Cướp tài sản”; Bản án số 39/2011/HSST ngày 09/03/2011 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xử phạt Nguyễn Văn K 48 tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp 7 năm tù của Bản án số 25/2011/HS-ST ngày 18/01/2011 của Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm buộc bị cáo K phải chấp hành hình phạt chung là 11 năm tù. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích; tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 23/01/2021 đến ngày 01/02/2021, hiện đang bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” - Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1, Anh Trần Đình T - sinh năm 2001

Địa chỉ: thôn 4, xã T, huyện A, Nghệ An. Vắng mặt

2, Anh Trần Văn C – sinh năm 1984

Địa chỉ xóm X, xã N, huyện N, tỉnh N. Vắng mặt

3, Anh Hồ Chí C – sinh năm 1989

Địa chỉ: thôn 10, xã T, huyện A, Nghệ An. Vắng mặt

4, Chị Trần Thị N – Sinh năm 1996

Địa chỉ: tổ dân phố 1, thị trấn A, huyện A, tỉnh N. Vắng mặt.

5, Anh Hg Viêt H – sinh năm 1987

Địa chỉ: thôn 3, xã T, huyện A, tỉnh N. Vắng mặt.

6, Anh Nguyễn Văn T – sinh năm 1989

Địa chỉ: thôn 7, xã T, huyện A, tỉnh N. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng thời gian từ ngày 15/08/2019 đến ngày 14/01/2020, Nguyễn Văn K đã thực hiện hành vi cho vay tiền với lãi suất cao là 3.000đồng/1.000.000 đồng/1 ngày và 1.000.000 đồng/10.000.000 đồng/1 tháng, tương ứng mức lãi suất từ 108% đến 120%/năm, gấp 5,4 lần và 6 lần mức lãi suất cho phép quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2015. Nguyễn Văn K cho các cá nhân vay bằng tiền mặt, có cầm cố tài sản hoặc không cầm cố tài sản tùy theo mối quan hệ và số lượng tiền vay, có viết giấy vay tiền theo nội dung mà K yêu cầu hoặc ghi chép sổ sách để theo dõi và ký tên xác nhận phía dưới. Để trốn tránh việc các cơ quan chức năng phát hiện và xử lý về hành vi cho vay lãi nặng, trong tất các giấy vay tiền không ghi rõ lãi suất vay mà Nguyễn Văn K chỉ thống nhất miệng với người vay về lãi suất của khoản vay và được người vay đồng ý nội dung thỏa thuận miệng, giấy vay tiền hoặc sổ sách ghi chép chỉ lập 01 bản và do Nguyễn Văn K giữ.

Với mức lãi suất 3000đồng/1.000.000đồng/1 ngày, lãi suất tính theo 1 tháng (30 ngày):

- Số tiền lãi Nguyễn Văn K thu được = *Số tiền gốc x 3000đồng/1.000.000đồng/1 ngày x Số ngày vay.*

- Số tiền lãi hợp pháp được phép thu theo quy định của Bộ luật dân sự (không được vượt quá 20%/năm tương đương 1/18%/ngày) = *Số tiền gốc x 1/18%/ngày x Số ngày vay.*

- Số tiền K thu lợi bất chính = *Tổng số tiền lãi thu được trừ đi Số tiền lãi hợp pháp được phép thu theo quy định của Bộ luật dân sự.*

Với mức lãi suất 1.000.000 đồng/10.000.000 đồng/1 tháng, lãi suất tính theo 1 tháng (30 ngày)

- Số tiền lãi bị can Nguyễn Văn K thu được = *Số tiền gốc x 1.000.000 đồng/10.000.000 đồng/30 ngày x Số ngày vay*

- Số tiền lãi hợp pháp được phép thu theo quy định của Bộ luật dân sự (không được vượt quá 20%/năm tương đương 1/18%/ngày) = *Số tiền gốc x 1/18%/ngày x Số ngày vay.*

- Số tiền K thu lợi bất chính = *Tổng số tiền lãi thu được trừ đi Số tiền lãi hợp pháp được phép thu theo quy định của Bộ luật dân sự.*

Trong thời gian từ ngày 15/08/2019 đến ngày 14/01/2020, Nguyễn Văn K đã cho 6 cá nhân vay thông qua 8 lần giao dịch với tổng số tiền là: 192.000.000 đồng (Một trăm chín mươi hai triệu đồng). Tổng số tiền lãi Nguyễn Văn K đã thu được là 107.100.000 đồng (một trăm linh bảy triệu một trăm nghìn đồng), trừ đi số tiền lãi hợp

pháp là 20%/năm theo quy định của pháp luật, tổng số tiền lãi Nguyễn Văn K đã thu lợi bất chính là 87.433.336 đồng (*Tám mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi sáu đồng*). Cụ thể như sau:

1. Anh Trần Đình T, sinh năm 2001, trú tại Thôn 4, xã T, huyện A, tỉnh N: Ngày 13/11/2019, anh Trần Đình T vay Nguyễn Văn K số tiền 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*), lãi suất 1.000.000 đồng/ 10.000.000 đồng/ 1 tháng.

Từ ngày 13/11/2019 đến ngày 13/08/2020 (số tháng vay: 9 tháng), anh T đã thanh toán cho K số tiền lãi là 9.000.000 đồng (*chín triệu đồng*). Số tiền lãi hợp pháp được phép thu theo quy định của Bộ luật dân sự là: 1.500.000 đồng (*một triệu năm trăm nghìn đồng*). Số tiền K thu lợi bất chính là 7.500.000 đồng (*bảy triệu năm trăm nghìn đồng*).

Hiện tại anh Trần Đình T đang nợ Nguyễn Văn K số tiền gốc 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*)

2. Anh Trần Văn C, sinh năm 1984, trú tại xóm X, xã N, huyện N, tỉnh N: Ngày 21/09/2019, anh Trần Văn C vay Nguyễn Văn K số tiền: 25.000.000 đồng (*hai mươi lăm triệu đồng*), lãi suất 3.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ 1 ngày, lãi suất tính theo 1 tháng (30 ngày).

Từ ngày 21/09/2019 đến ngày 21/07/2020 (số ngày vay: 300), anh Công đã thanh toán cho K số tiền lãi là 22.500.000 đồng (*hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*) và đã thanh toán đầy đủ tiền gốc khoản vay này cho K. Số tiền lãi hợp pháp được phép thu theo quy định của Bộ luật dân sự là: 4.166.666 đồng (*bốn triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng*). Số tiền K thu lợi bất chính là 18.333.334 đồng (*mười tám triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng*)

3. Anh Hồ Chí C, sinh năm 1989, trú tại Thôn 10, xã T, huyện A, tỉnh N: Ngày 26/12/2019, anh Hồ Chí C vay Nguyễn Văn K số tiền là: 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*), lãi suất 3.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ 1 ngày, lãi suất tính theo 1 tháng (30 ngày).

Từ ngày 26/12/2019 đến ngày 26/05/2020 (số ngày vay: 150 ngày), anh Cường đã thanh toán cho K số tiền lãi là: 13.500.000 đồng (*mười ba triệu năm trăm nghìn đồng*). Số tiền lãi hợp pháp được phép thu theo quy định của Bộ luật dân sự là: 2.500.000 đồng (*hai triệu năm trăm nghìn đồng*). Số tiền K thu lợi bất chính là 11.000.000 đồng (*mười một triệu đồng*)

Đến nay anh Cường không trả thêm tiền lãi và vẫn còn nợ K tiền gốc của khoản vay trên.

4. Chị Trần Thị N, sinh năm 1996, trú tại Tổ dân phố 1, thị trấn A, huyện A, tỉnh N:

- Ngày 15/08/2019, chị Trần Thị N vay Nguyễn Văn K số tiền là: 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*), lãi suất 3.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ 1 ngày, lãi suất tính theo 1 tháng (30 ngày).

Từ ngày 15/08/2019 đến ngày 15/01/2020 (số ngày vay: 150 ngày), chị Nguyệt đã thanh toán cho K số tiền lãi là: 13.500.000 đồng (*mười ba triệu năm trăm nghìn đồng*) và 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) tiền gốc, số tiền gốc còn lại: 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*). Số tiền lãi được phép thu theo quy định là: 2.500.000

đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền K thu lợi bất chính là: 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng)

Từ ngày 15/01/2020 đến ngày 15/02/2020 (số ngày vay: 30 ngày), chị Nguyệt đã thanh toán cho K 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm nghìn đồng) tiền lãi của khoản tiền gốc 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) tiền gốc. Số tiền lãi được phép thu theo quy định là: 333.333 đồng (ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng). Số tiền K thu lợi bất chính là: 1.466.667 đồng (một triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng)

- Ngày 14/01/2020, chị N tiếp tục vay Nguyễn Văn K 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng), lãi suất 3.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ 1 ngày, lãi suất tính theo 1 tháng (30 ngày).

Từ ngày 14/01/2020 đến ngày 14/11/2020 (số ngày vay: 300 ngày), chị N đã thanh toán cho K số tiền lãi là: 10.800.000 đồng (mười triệu tám trăm nghìn đồng). Số tiền lãi được phép thu theo quy định là: 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Số tiền K thu lợi bất chính là: 8.800.000 đồng (tám triệu tám trăm nghìn đồng)

Như vậy, tổng chị N đã vay K là 42.000.000 đồng (bốn mươi hai triệu đồng). Tổng số tiền lãi chị Nguyệt đã thanh toán cho K là: 26.100.000 đồng (hai mươi sáu triệu một trăm nghìn đồng). Tổng số tiền lãi hợp pháp được phép thu theo quy định của Bộ luật dân sự là: 4.833.000 đồng (bốn triệu tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng). Tổng số tiền K thu lợi bất chính là 21.266.667 đồng (hai mươi một triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

Hiện tại, chị N còn nợ Nguyễn Văn K 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) tiền gốc.

5. Anh Hg Viết H, sinh năm 1987, trú tại thôn 3, xã T, huyện A, tỉnh N.

- Ngày 19/09/2019, anh Hg Viết H vay Nguyễn Văn K 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), lãi suất 3.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ 1 ngày, lãi suất tính theo 1 tháng (30 ngày)

Từ ngày 19/09/2019 đến ngày 19/01/2020 (số ngày vay: 120 ngày), anh H đã thanh toán cho K số tiền là: 7.200.000 đồng (bảy triệu hai trăm nghìn đồng) tiền lãi và 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) tiền gốc. Số tiền lãi hợp pháp được phép thu theo quy định của Bộ luật dân sự là: 1.333.333 đồng (một triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng). Số tiền K thu lợi bất chính là: 5.866.667 đồng.

- Ngày 03/01/2020, anh H tiếp tục vay K 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), lãi suất 3.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ 1 ngày, lãi suất tính theo 1 tháng (30 ngày).

Từ ngày 03/01/2020 đến ngày 03/11/2020 (số ngày vay: 300 ngày), anh H đã thanh toán cho K 9.000.000 đồng (chín triệu đồng) tiền lãi. Số tiền lãi hợp pháp được phép thu theo quy định của Bộ luật dân sự là: 1.666.666 đồng (một triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng). Số tiền K thu lợi bất chính là: 7.333.334 đồng.

Hiện tại anh H đang nợ K 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) tiền gốc.

Như vậy, tổng số tiền anh H đã vay K là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Tổng số tiền lãi anh H đã thanh toán cho K là: 16.200.000 đồng (mười sáu triệu hai trăm nghìn đồng). Tổng số tiền lãi hợp pháp được phép thu theo quy định của Bộ luật dân sự là: 2.999.999 đồng (hai triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín

mười chín đồng). Tổng số tiền K thu lợi bất chính là 13.200.001 đồng (mười ba triệu hai trăm nghìn không trăm linh một đồng)

6. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989, trú tại xóm 7, xã T, huyện A, tỉnh N: Ngày 25/10/2019, anh Tú vay Nguyễn Văn K số tiền là: 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng), lãi suất 3.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ 1 ngày, lãi suất tính theo 1 tháng (30 ngày).

Từ ngày 25/10/2019 đến ngày 25/02/2020 (số ngày vay: 120 ngày), anh Tú đã thanh toán cho K số tiền là: 19.800.000 đồng (mười chín triệu tám trăm nghìn đồng) tiền lãi và 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng) tiền gốc, số tiền gốc còn lại: 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Số tiền lãi hợp pháp được phép thu theo quy định của Bộ luật dân sự là: 3.666.666 đồng (ba triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng). Số tiền K thu lợi bất chính là 16.199.334 đồng (mười sáu triệu một trăm chín mươi chín nghìn ba trăm ba mươi tư đồng).

Hiện tại, anh Nguyễn Văn T đang nợ anh K 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) tiền gốc.

- Vật chứng thu giữ gồm:

+ 01 (một) chiếc điện thoại OPPO Reno 4, màu xanh đen, số Imei 1: 867671055766695, số Imei 2: 867671055766687, bên trong lắp sim số 0373373000; 01 (một) chiếc điện thoại NOKIA 150, màu xanh, số seri: 353163110109112, bên trong lắp sim số 0359898097; 01 (một) chiếc điện thoại NOKIA 3110, màu vàng, số Imei 1: 358573081695029, bên trong lắp sim số 0961428678 và sim số 0943503777.

+ 01 (một) quyển sổ có chữ Hải Tiến, kích thước (17x24)cm bên trong có ghi nội dung vay tiền và 01 (một) quyển sổ bìa cứng, màu đen, bên trong có ghi nội dung vay tiền.

- Về xử lý vật chứng:

+ 01 (một) chiếc điện thoại OPPO Reno 4, màu xanh đen, số Imei 1: 867671055766695, số Imei 2: 867671055766687, bên trong lắp sim số 0373373000; 01 (một) chiếc điện thoại NOKIA 150, màu xanh, số seri: 353163110109112, bên trong lắp sim số 0359898097; 01 (một) chiếc điện thoại NOKIA 3110, màu vàng, số Imei 1: 358573081695029, bên trong lắp sim số 0961428678 và sim số 0943503777 đang được bảo quản tại kho vật chứng chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

+ 01 (một) quyển sổ có chữ Hải Tiến, kích thước (17x24)cm bên trong có ghi nội dung vay tiền và 01 (một) quyển sổ bìa cứng, màu đen, bên trong có ghi nội dung vay tiền được lưu vào hồ sơ vụ án.

- Về mặt dân sự: Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Văn K đã trả lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính cho anh Hồ Chí C (11.000.000 đồng), chị Trần Thị N (21.266.667 đồng) và anh Nguyễn Văn T (16.199.334 đồng). Đối với số tiền thu lợi bất chính từ anh Trần Đình T, Hg Viết H, Trần Văn C bị cáo chưa thanh toán.

Tại bản cáo trạng số 29/Ctr - VKS ngày 16/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh N đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn K về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh N giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, Viện kiểm sát đề nghị:

Áp dụng: khoản 1 Điều 201; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa bị cáo thống nhất như quan điểm của Viện kiểm sát và không có tranh luận gì.

Lời nói sau cùng, bị cáo nói: Hành vi của bị cáo là sai trái, bị cáo rất ăn năn, hối cải, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đều thực hiện đúng pháp luật.

[2] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận: Vào khoảng thời gian từ ngày 15/08/2019 đến ngày 14/01/2020, Nguyễn Văn K, sinh ngày 12/09/1990, trú tại Thôn 10, xã T, huyện A, tỉnh N đã 8 lần thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với 06 người gồm: Trần Đình T, Hồ Chí C, Trần Thị N, Hg Viết H, Nguyễn Văn T, Trần Văn C với tổng số tiền cho vay là: 192.000.000 đồng (*Một trăm chín mươi hai triệu đồng*), với mức lãi suất từ 108% đến 120%/năm. Tổng số tiền lãi Nguyễn Văn K đã thu được của người vay là 107.100.000 đồng (*một trăm linh bảy triệu một trăm nghìn đồng*), số tiền được phép thu theo quy định là: 19.666.664 đồng (*mười chín triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi tư đồng*), thu lợi bất chính số tiền là 87.433.336 đồng (*tám mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi sáu đồng*).

Căn cứ vào lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Văn K đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 BLHS như bản cáo trạng đã truy tố là đúng pháp luật.

Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của bị cáo là liều lĩnh, coi thường pháp luật. Bị cáo đã lợi dụng sự khó khăn trong quá trình làm ăn của một số người dân tại địa phương để cho vay tiền hưởng lãi suất cao. Hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Nguyễn Văn K là hành vi nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý, thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội đã phạm.

[3] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo thấy rằng:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trước lần phạm tội này bị cáo từng bị TAND huyện Từ Liêm và TAND quận Cầu Giấy, TP Hà Nội xử phạt lần lượt 07 năm tù và 04 năm tù về tội “Cướp tài sản”, cho đến thời điểm phạm tội này bị cáo chưa

được xóa án tích. Do đó lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “Tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện thanh toán lại cho một số người vay số tiền thu lợi bất chính. Do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Từ việc đánh giá về tính chất mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân, cũng như các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng : Hành vi của bị cáo là liều lĩnh, coi thường pháp luật, hành vi đó đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Ngoài ra lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “Tái phạm” Do đó phải xử lý thật nghiêm, mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, tính chất hành vi là ít nghiêm trọng, nên việc áp dụng hình phạt cho bị cáo cải tạo tại địa phương như đề nghị của đại diện VKS là có căn cứ.

Về khấu trừ thu nhập: Xét thấy bị cáo có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định nên cần miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[4] Về các biện pháp tư pháp và nghĩa vụ dân sự:

[4.1] Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Văn K đã trả lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính cho anh Hồ Chí C (11.000.000 đồng), Trần Thị N (21.266.667 đồng) và anh Nguyễn Văn T (16.199.334 đồng). Nay anh Cường, chị Nguyệt, anh Tú không có yêu cầu gì thêm nên không xét.

Đối với số tiền thu lợi bất chính từ anh Trần Đình T (7.500.000 đồng), Hg Viết H (5.866.667 đồng), Trần Văn C (18.333.334 đồng) hiện tại bị cáo chưa thanh toán. Do đó cần buộc bị cáo phải thanh toán lại toàn bộ số tiền trên cho anh Thái, anh Công, anh H.

[4.2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã xác định trong số tiền gốc 192.000.000 đồng bị cáo đã cho vay, đã có một số người trả tiền nợ gốc cho bị cáo, gồm: anh Trần Văn C đã trả 25.000.000 đồng, chị Trần Thị N trả 30.000.000 đồng, anh Hg Viết H trả 20.000.000 đồng, anh Nguyễn Văn T trả 45.000.000 đồng. Tổng cộng là 120.000.000 đồng, do đó cần buộc bị cáo phải nộp lại toàn bộ số tiền trên để sung quỹ nhà nước.

[4.3] Những người chưa trả hoặc trả chưa đủ tiền nợ gốc cho bị cáo K gồm:

- Anh Trần Đình T 10.000.000 đồng
- Anh Hồ Chí C 30.000.000 đồng
- Chị Trần Thị N 12.000.000 đồng
- Anh Hg Viết H 10.000.000 đồng
- Anh Nguyễn Văn T 10.000.000 đồng

Tổng cộng là 72.000.000 đồng. Đây là công cụ phương tiện phạm tội, do đó cần buộc anh T, anh C, chị N, anh H, anh T nộp lại toàn bộ số tiền trên để sung quỹ nhà nước.

[4.4] Đối với khoản tiền lãi suất chưa vượt quá 20% mà bị cáo K đã được người vay thanh toán, gồm:

- Anh Trần Đình T 1.500.000 đồng

- Anh Trần Văn C 4.166.666 đồng
- Anh Hồ Chí C 2.500.000 đồng
- Chị Trần Thị N 4.883.000 đồng
- Anh Hg Viết H 2.999.999 đồng
- Anh Nguyễn Văn T 3.666.666 đồng

Tổng cộng là 19.716.331 đồng. Xét thấy đây là tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội mà có nên cần buộc bị cáo nộp lại để sung quỹ nhà nước.

[5] Về xử lý vật chứng:

+ 01 (một) chiếc điện thoại OPPO Reno 4, màu xanh đen, số Imei 1: 867671055766695, số Imei 2: 867671055766687, bên trong lắp sim số 0373373000; 01 (một) chiếc điện thoại NOKIA 150, màu xanh, số seri: 353163110109112, bên trong lắp sim số 0359898097; 01 (một) chiếc điện thoại NOKIA 3110, màu vàng, số Imei 1: 358573081695029, bên trong lắp sim số 0961428678 và sim số 0943503777 thu giữ tại bị cáo Nguyễn Văn K. Xét thấy đây là công cụ phương tiện bị cáo dùng để liên lạc cho vay thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

+ 01 (một) quyển sổ có chữ Hải Tiến, kích thước (17x24)cm bên trong có ghi nội dung vay tiền và 01 (một) quyển sổ bìa cứng, màu đen, bên trong có ghi nội dung vay tiền. Xét thấy đây là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần lưu tại hồ sơ vụ án.

[6] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn K phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1/ Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn K phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 201; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 36 BLHS năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn K **02 (Hai)** năm **03 (Ba)** tháng cải tạo không giam giữ, nhưng được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ trước đó (Từ ngày 23/01/2021 đến ngày 01/02/2021). Thời gian khấu trừ được quy đổi 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được Quyết định thi hành án và bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn K cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh N phối hợp với gia đình bị cáo giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

2/ Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS

***Về biện pháp tư pháp:**

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn K phải nộp số tiền 139.716.331 đồng để tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Buộc anh Trần Đình T phải nộp số tiền 10.000.000 đồng; Anh Hồ Chí C phải nộp số tiền 30.000.000 đồng; Chị Trần Thị N phải nộp số tiền 12.000.000 đồng; Anh Hg Viết H phải nộp số tiền 10.000.000 đồng; Anh Nguyễn Văn T phải nộp số tiền 10.000.000 đồng để tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn K phải trả lại cho anh Trần Đình T số tiền 7.500.000 đồng; trả lại cho anh Hg Viêt H số tiền 5.866.667 đồng; trả lại cho anh Trần Văn C số tiền 18.333.334 đồng.

***Về xử lý vật chứng:**

+ Tịch thu súng quĩ nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại OPPO Reno 4, màu xanh đen, số Imei 1: 867671055766695, số Imei 2: 867671055766687, bên trong lắp sim số 0373373000; 01 (một) chiếc điện thoại NOKIA 150, màu xanh, số seri: 353163110109112, bên trong lắp sim số 0359898097; 01 (một) chiếc điện thoại NOKIA 3110, màu vàng, số Imei 1: 358573081695029, bên trong lắp sim số 0961428678 và sim số 0943503777 thu giữ tại bị cáo Nguyễn Văn K

+Lưu hồ sơ vụ án 01 (một) quyển sổ có chữ Hải Tiến, kích thước (17x24)cm bên trong có ghi nội dung vay tiền và 01 (một) quyển sổ bìa cứng, màu đen, bên trong có ghi nội dung vay tiền

Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện A và Chi cục thi hành án dân sự huyện A ngày 22/4/2021

3/ Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điều 23 Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn K phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

4/ Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã nơi người vắng mặt cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
- VKSND huyện A;
- Công an huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi liên quan;
- Lưu Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Văn Phú

